BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 36/2018/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2018*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản (sau đây gọi là Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT)

1. Bổ sung khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 2 như sau:

"*5. Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu* là các sản phẩm động vật thủy sản cùng loại, cùng tên, nhãn hàng hóa, cơ sở sản xuất hàng hóa, chất liệu bao bì.

6. Lô hàng sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu là toàn bộ sản phẩm động vật thủy sản của một chuyến hàng nhập khẩu hoặc xuất khẩu (có cùng số vận đơn). Lô hàng có thể chỉ có một mặt hàng hoặc nhiều mặt hàng.

7. Sản phẩm động vật thủy sản có nguy cơ cao là sản phẩm động vật thủy sản ở dạng sơ chế, tươi sống, ướp lạnh, đông lạnh.

8. Sản phẩm động vật thủy sản có nguy cơ thấp là sản phẩm động vật thủy sản đã qua chế biến theo phương pháp công nghiệp hoặc thủ công để sử dụng ngay."

2. Khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3. Hồ sơ khai báo kiểm dịch nhập khẩu sản phẩm động vật thủy sản làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu; sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu trực tiếp từ tàu đánh bắt hải sản nước ngoài, nhập khẩu gián tiếp từ tàu đánh bắt hải sản nước ngoài chuyển tải tại các cảng trung chuyển của quốc gia

khác để làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu; sản phẩm động vật thủy sản làm hàng mẫu; sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu bị triệu hồi hoặc bị trả về:

a) Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 03 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu, trừ sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu trực tiếp từ tàu đánh bắt hải sản của nước ngoài, nhập khẩu gián tiếp từ tàu đánh bắt hải sản nước ngoài chuyển tải tại các cảng trung chuyển của quốc gia khác về Việt Nam, hàng mẫu có trọng lượng dưới 50 kg. Trường hợp gửi bản sao hoặc tại thời điểm gửi hồ sơ chưa cung cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu thì phải gửi bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu khi kiểm tra hàng hóa;

c) Bản sao Giấy phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

d) Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp Vận tải đơn đối với sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu (trừ sản phẩm nhập khẩu trực tiếp từ tàu đánh bắt hải sản nước ngoài);

đ) Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp các giấy tờ liên quan đến lô hàng khi xuất khẩu (Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm nếu có, thông báo triệu hồi lô hàng của doanh nghiệp, tờ khai hải quan, bảng kê danh mục hàng hóa) đối với sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu bị triệu hồi hoặc bị trả về;

e) Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp Giấy chứng nhận của thuyền trưởng "Captain's statement" hoặc Giấy xác nhận của người bán. Nội dung các giấy này thể hiện các thông tin sau: Tên tàu đánh bắt, số đăng ký của tàu, quốc gia treo cờ, phương pháp đánh bắt, thời gian đánh bắt, khu vực đánh bắt đối với sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu trực tiếp từ tàu đánh bắt hải sản nước ngoài;

g) Trường hợp sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu gián tiếp từ tàu đánh bắt hải sản nước ngoài chuyển tải tại các cảng trung chuyển của nước ngoài về Việt Nam thì ngoài các tài liệu quy định tại các điểm a, c, d và e của khoản này, doanh nghiệp bổ sung Bản sao Giấy xác nhận do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi có cảng trung chuyển cấp (có xác nhận của doanh nghiệp). Nội dung giấy xác nhận thể hiện các thông tin sau: tên; số đăng ký, quốc gia treo cờ của tàu đánh bắt và tàu vận chuyển; tên loại sản phẩm thủy sản, số lượng, thời gian bốc dỡ, địa điểm bốc dỡ, điều kiện lưu giữ sản phẩm, sản phẩm thủy sản được giữ nguyên trạng, không trải qua các công đoạn nào khác ngoài hoạt động bốc dỡ."

3. Bổ sung điểm c khoản 6 Điều 4 như sau:

"c) Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp Vận tải đơn."

4. Bổ sung điểm c khoản 7 Điều 4 như sau:

"c) Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp Vận tải đơn."

5. Bổ sung khoản 6 Điều 11 như sau:

"6. Chủ hàng chịu trách nhiệm về việc kiểm dịch đối với hàng hóa xuất khẩu, không phải nộp cho cơ quan hải quan Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với lô hàng xuất khẩu để thông quan hàng hóa."

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 13 như sau:

"1. Đăng ký kiểm dịch

a) Trước khi nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này tới Cục Thú y theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp;

b) Cục Thú y thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật thú y; gửi văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch cho chủ hàng và cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu qua thư điện tử (trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (trường hợp đăng ký kiểm dịch qua Cổng thông tin một cửa quốc gia).

2. Khai báo kiểm dịch

a) Sau khi Cục Thú y có văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch, trước khi hàng đến cửa khẩu nhập chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư này tới cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp;

b) Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật thú y;

c) Khi tiếp nhận hồ sơ khai báo kiểm dịch nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra đối chiếu thông tin tàu đánh bắt bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU) được đăng tải trên website của Cơ quan thẩm quyền châu Âu (https://ec.europa.eu/fisheries/cfp/illegal_fishing/info), website của các Tổ chức nghề cá khu vực (RFMOs) hoặc thông báo từ Cơ quan thẩm quyền của các quốc gia khác. Trường hợp lô hàng nhập khẩu từ tàu IUU, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu không thực hiện việc kiểm dịch và báo cáo ngay về Cục Thú y để phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý.

4. Nội dung kiểm dịch

a) Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm dịch theo nội dung quy định tại Điều 47 Luật thú y;

b) Đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống: lấy mẫu xét nghiệm các bệnh theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với động vật thủy sản thương phẩm: chỉ lấy mẫu xét nghiệm bệnh nếu phát hiện động vật có dấu hiệu mắc bệnh được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Đối với sản phẩm động vật thủy sản: kiểm tra thực tế hồ sơ và hàng hóa tại cửa khẩu nhập hoặc tại nơi tập kết hàng. Nếu đáp ứng yêu cầu thì cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này và cấp Giấy chứng nhận vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu (Mẫu 09TS) để chủ hàng vận chuyển hàng về kho bảo quản theo đề nghị của chủ hàng (kho bảo quản của chủ hàng phải bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y). Chủ hàng phải chịu trách nhiệm trong việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa và không được đưa hàng đi tiêu thụ khi chưa có kết quả kiểm dịch.

Trường hợp sản phẩm động vật thủy sản không thể lấy mẫu tại cửa khẩu hoặc tại nơi tập kết hàng thì cơ quan kiểm dịch cửa khẩu thực hiện lấy mẫu kiểm dịch tại kho bảo quản.

Riêng đối với sản phẩm động vật thủy sản đông lạnh phải được lưu giữ tại cửa khẩu nhập đến khi có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu.

đ) Thời gian nuôi cách ly kiểm dịch: không quá 10 ngày đối với động vật thủy sản làm giống, không quá 03 ngày đối với động vật thủy sản thương phẩm kể từ ngày cách ly kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn thời gian nêu trên thì cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch

a) Đối với lô sản phẩm động vật thủy sản phải lấy mẫu kiểm tra: trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu đối với sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan. Trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc thì cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Đối với lô sản phẩm động vật thủy sản không phải lấy mẫu kiểm tra: trong thời gian 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu sau khi kiểm tra hồ sơ đạt yêu cầu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan;

c) Đối với động vật thủy sản giống: ngay sau khi có kết quả xét nghiệm bệnh đạt yêu cầu, động vật thủy sản giống khỏe mạnh, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan;

d) Đối với động vật thủy sản thương phẩm: sau khi đưa về nơi cách ly kiểm dịch tối thiểu 01 ngày, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu đối với động vật khỏe mạnh; trường hợp phải lấy mẫu kiểm tra thì thực hiện theo điểm c khoản này để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan;

đ) Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin gồm: số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch."

7. Bổ sung Điều 13a như sau:

"**Điều 13a. Kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ**

1. Sản phẩm động vật thủy sản đã hoàn thành thủ tục kiểm dịch nhập khẩu, chưa được chế biến hoặc đóng gói lại khi xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ không phải thực hiện kiểm dịch.

2. Sản phẩm động vật thủy sản có nguồn gốc trong nước, được xuất bán cho doanh nghiệp chế xuất chỉ phải thực hiện việc kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo quy định, không phải thực hiện việc kiểm dịch xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ."

8. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 14. Kiểm dịch nhập khẩu sản phẩm động vật thủy sản làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu; sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu trực tiếp từ tàu đánh bắt hải sản nước ngoài, nhập khẩu gián tiếp từ tàu đánh bắt hải sản nước ngoài chuyển tải tại các cảng trung chuyển của quốc gia khác để làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu; sản phẩm động vật thủy sản làm hàng mẫu; sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu bị triệu hồi hoặc bị trả về

1. Chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này đến cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu nơi nhập hàng. Hình thức gửi hồ sơ: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.

a) Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận Đơn khai báo kiểm dịch để chủ hàng làm thủ tục hải quan và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch;

b) Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

2. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện việc kiểm dịch như sau:

a) Kiểm tra điều kiện bảo quản, quy cách bao gói, ghi nhãn, ngoại quan của sản phẩm;

b) Trường hợp nghi ngờ hoặc phát hiện hàng hóa không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y thì lấy mẫu để kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y;

c) Chủ hàng được đưa sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu về kho bảo quản (kho bảo quản của chủ hàng phải đủ điều kiện vệ sinh thú y) để thực hiện việc kiểm dịch theo quy định. Chủ hàng phải chịu trách nhiệm trong việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa và không được đưa hàng vào tiêu thụ khi chưa có kết quả kiểm dịch.

Trường hợp phát hiện hàng hóa có vi phạm, các lần nhập khẩu tiếp theo chủ hàng phải để hàng hóa tại khu vực cửa khẩu nhập để thực hiện việc kiểm dịch. Nếu có kết quả kiểm tra của 03 lần nhập khẩu liên tiếp đạt yêu cầu thì mới tiếp tục được đưa hàng về kho bảo quản để thực hiện kiểm dịch. ”

3. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch

a) Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu đối với lô hàng bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y (Mẫu 10TS, không áp dụng nội dung “Giấy có giá trị đến ngày”);

b) Trường hợp lô hàng phải lấy mẫu kiểm tra: trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu đối với lô hàng bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y;

c) Đối với sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu từ tàu đánh bắt hải sản nước ngoài, trong thời gian 60 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu, nếu chủ hàng có khai báo kiểm dịch sửa đổi, bổ sung theo phân loại sản phẩm, thị trường xuất khẩu, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu nơi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu lần đầu thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu thay thế Giấy chứng nhận đã cấp.

Việc khai báo sửa đổi, bổ sung theo phân loại sản phẩm, thị trường xuất khẩu phải bảo đảm đúng nguồn gốc và số lượng hàng đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu lần đầu. Chủ hàng phải chịu trách nhiệm về những nội dung khai báo sửa đổi, bổ sung.

4. Kiểm tra, giám sát sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu; sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu trực tiếp từ tàu đánh bắt hải sản nước ngoài, nhập khẩu gián tiếp từ tàu đánh bắt hải sản nước ngoài chuyển tải tại các cảng trung chuyển của quốc gia khác để làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu hàng bị triệu hồi hoặc trả về:

a) Lấy mẫu giám sát các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thông báo vi phạm: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 13 Thông tư này.”

9. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 15. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

1. Động vật, sản phẩm động vật thủy sản trước khi thực hiện tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này tới Cục Thú y theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.

2. Cục Thú y thực hiện theo khoản 2 Điều 49 Luật thú y; gửi văn bản hướng dẫn kiểm dịch cho chủ hàng và cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu qua thư điện tử (đối với trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (đối với trường hợp đăng ký kiểm dịch qua Cổng thông tin một cửa quốc gia).

3. Sau khi Cục Thú y có văn bản hướng dẫn kiểm dịch, trước khi hàng đến cửa khẩu chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư này tới cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật thú y và thực hiện việc kiểm dịch theo quy định tại Điều 50 Luật thú y.

4. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Thông tư này."

10. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 17. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập, xuất kho ngoại quan**

1. Trước khi thực hiện nhập, xuất kho ngoại quan động vật, sản phẩm động vật thủy sản, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này tới Cục Thú y theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.

2. Cục Thú y thực hiện theo khoản 2 Điều 49 Luật thú y; gửi văn bản hướng dẫn kiểm dịch cho chủ hàng và cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu qua thư điện tử (đối với trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (đối với trường hợp đăng ký kiểm dịch qua Cổng thông tin một cửa quốc gia).

3. Sau khi Cục Thú y có văn bản hướng dẫn kiểm dịch, trước khi hàng đến cửa khẩu chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư này tới cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo một trong các hình

thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật thú y và thực hiện việc kiểm dịch theo quy định tại khoản 5 và khoản 7 Điều này.

4. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

5. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập vào kho ngoại quan như sau:

a) Cấp Giấy chứng nhận vận chuyển để chủ hàng vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản từ cửa khẩu nhập về kho ngoại quan;

b) Tại kho ngoại quan, cơ quan kiểm dịch cửa khẩu phối hợp với cơ quan hải quan kiểm tra thực trạng lô hàng, xác nhận để chủ hàng nhập hàng vào kho ngoại quan.

6. Trước khi xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan, chủ hàng phải gửi hồ sơ khai báo kiểm dịch tới cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo quy định như sau:

a) Đối với sản phẩm động vật thủy sản xuất bán cho các cơ sở sản xuất trong nước để làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu, hồ sơ khai báo kiểm dịch được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này;

b) Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước hồ sơ theo quy đinh tại khoản 6 Điều 4 Thông tư này.

7. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất ra khỏi kho ngoại quan như sau:

a) Thực hiện kiểm dịch theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 14 Thông tư này đối với sản phẩm động vật thủy sản làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu tại các cơ sở chế biến thủy sản trong nước;

b) Thực hiện kiểm dịch theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 13 Thông tư này đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản tiêu thụ trong nước;

c) Thực hiện kiểm dịch theo quy định tại Điều 50 Luật thú y đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản gửi kho ngoại quan để tái xuất khẩu, Giấy chứng nhận kiểm dịch cấp theo Mẫu 12TS;

d) Trường hợp lô hàng được xuất ra khỏi kho ngoại quan từng phần, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trừ lùi số lượng hàng trên Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu, lưu bản sao chụp vào hồ sơ kiểm dịch. Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu sẽ được cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thu lại và lưu vào hồ sơ của lần xuất hàng cuối cùng của lô hàng (trong trường hợp nhập để tiêu dùng trong nước, làm nguyên liệu sản xuất xuất khẩu) hoặc giao lại cho chủ hàng (trong trường hợp hàng tái xuất khẩu).”

11 . Bổ sung điểm d khoản 1 Điều 22 như sau:

"d) Thông báo cho Tổng cục Thủy sản và các cơ quan liên quan khi phát hiện tàu khai thác hoặc tàu vận chuyển sản phẩm thủy sản vi phạm các quy định về IUU trong quá trình kiểm dịch để có biện pháp xử lý, ngăn chặn."

12. Sửa đổi mục 2 phần B Phụ lục I như sau:

"2. Sản phẩm động vật thủy sản đã chế biến chín, đóng bao bì kín khí, có nhãn mác theo quy định và sử dụng để ăn ngay."

13. Bổ sung bệnh do vi rút Tilapia Lake vào mục I phần A Phụ lục IV như sau:

"A. Động vật thủy sản

I. Các bệnh ở động vật thủy sản

TT	Tên bệnh (tên tiếng Anh)	Tác nhân gây bệnh	Một số thủy sản nuôi cảm nhiễm với bệnh
Bệnh ở loài cá			
6	Bệnh do virus Tilapia Lake	Tilapia Lake virus (TiLV)	Cá rô phi *(Oreochromis mosambicus, Oreochromis niloticus)*

14. Sửa đổi, bổ sung điểm 1 mục I phần B và mục II phần B Phụ lục IV như sau:

"**B. Sản phẩm động vật thủy sản**

I. Sản phẩm động vật thủy sản dùng làm thực phẩm

1. Chỉ tiêu kiểm tra

1.1. Vi sinh vật gây hại:

Loại sản phẩm	Chỉ tiêu kiểm tra	Căn cứ đánh giá
Cá và thủy sản tươi, đông lạnh *(phải xử lý nhiệt trước khi sử dụng)*	*Salmonella*	Các quy định, Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam, quy định quốc tế hiện hành.
	E.Coli	
	V. cholerae	
	V. parahaemolyticus	
Sản phẩm chế biến từ cá và thủy sản *(dùng trực tiếp, không qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng)*	*E.coli*	
	Cl.perfringens	
	Salmonella	
	V. parahaemolyticus	

Loại sản phẩm	Chỉ tiêu kiểm tra	Căn cứ đánh giá
Thủy sản khô sơ chế *(phải xử lý nhiệt trước khi sử dụng)*	*E.coli*	
	S.aureus	
	Salmonella	
	V. parahaemolyticus	
Giáp xác và động vật thân mềm có vỏ hoặc đã bỏ vỏ gia nhiệt	*E. coli*	
	S.aureus	
	Salmonella	

1.2. Các chỉ tiêu cảm quan, lý hóa theo quy định.

1.3. Tần suất lấy mẫu để kiểm tra, xét nghiệm.

a) Đối với sản phẩm động vật thủy sản có nguy cơ cao (sản phẩm ở dạng sơ chế, tươi sống, đông lạnh, ướp lạnh): lấy mẫu của 03 (ba) lô hàng liên tiếp để kiểm tra, xét nghiệm và xử lý kết quả kiểm tra, xét nghiệm như sau:

a1) Nếu kết quả kiểm tra, xét nghiệm của 03 (ba) lô hàng liên tiếp đạt yêu cầu thì cứ 05 (năm) lô hàng tiếp theo chỉ lấy mẫu của 01 (một) lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm; nếu phát hiện 01 (một) lần vi phạm thì lấy mẫu của 03 (ba) lô hàng liên tiếp để kiểm tra, xét nghiệm và xử lý kết quả theo quy định tại mục này;

a2) Nếu kết quả kiểm tra, xét nghiệm của từ 01 - 02 lô hàng không đạt yêu cầu thì tiếp tục duy trì lấy mẫu của 03 (ba) lô hàng liên tiếp để kiểm tra, xét nghiệm;

a3) Nếu kết quả kiểm tra, xét nghiệm của 03 (ba) lô hàng liên tiếp không đạt yêu cầu thì đề xuất tạm ngừng nhập khẩu loại sản phẩm động vật thủy sản vi phạm;

b) Đối với sản phẩm động vật thủy sản có nguy cơ thấp (đã qua chế biến):

Cứ 05 (năm) lô hàng lấy mẫu của 01 (một) lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm; nếu phát hiện 01 (một) lần vi phạm thì lấy mẫu của 03 (ba) lô hàng liên tiếp để kiểm tra, xét nghiệm và xử lý kết quả kiểm tra, xét nghiệm như quy định tại mục a1, a2 và a3 điểm này;

c) Các lô hàng phải lấy mẫu kiểm tra: nếu lô hàng có 01 (một) mặt hàng thì lấy 03 mẫu; nếu lô hàng có từ 02 mặt hàng trở lên thì lấy 05 mẫu;

d) Các lô hàng không phải lấy mẫu kiểm tra, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu chỉ kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu thì Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu (chủ hàng phải tự chịu trách nhiệm đối với hàng hóa nhập khẩu);

đ) Việc lấy mẫu theo tần suất được áp dụng trên tổng số lô hàng nhập khẩu tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 trong cùng 01 (một) năm.

1.4. Khi kết quả kiểm tra, xét nghiệm của lô hàng được lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm không đạt yêu cầu, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu báo cáo ngay về Cục Thú y để thông báo vi phạm và có biện pháp xử lý theo quy định.

II. Sản phẩm động vật thủy sản không dùng làm thực phẩm: kiểm tra các chỉ tiêu theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; phương thức, tần suất lấy mẫu để kiểm tra thực hiện theo quy định tại điểm 1.3 mục I phần B Phụ lục này."

15. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Phụ lục V như sau:

a) Sửa đổi điểm 10 mục I thành "Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu - Mẫu 10TS";

b) Thay cụm từ "CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu số" bằng cụm từ "Số Chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân" tại Mẫu 01TS, Mẫu 03TS;

c) Thay cụm từ "GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU KHÔNG DÙNG LÀM THỰC PHẨM" thành "GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU"; thay cụm từ "Địa điểm cách ly kiểm dịch:..từ ngày../20..đến ngày../20..." bằng cụm từ "Nơi chuyển đến:" tại Mẫu 10TS;

d) Bãi bỏ khoản 11 phần I và Mẫu 11TS."

16. Thay đổi cụm từ "Cơ quan Thú y vùng" thành cụm từ "Chi cục Thú y vùng" tại các Điều 11, Điều 22, Mẫu 22TS Phụ lục V.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

2. Bãi bỏ Điều 5 Thông tư số 02/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Thông tư 50/2015/TT-BNNPTNT, Thông tư 25/2013/TT-BNNPTNT, Thông tư số 02/2006/TT-BTS, Thông tư 62/2008/TT-BNN và Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT.

3. Trường hợp phần mềm áp dụng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia chưa kết nối khi Thông tư này có hiệu lực thi hành thì chủ hàng gửi hồ sơ tới Cục Thú y qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp và nhận kết quả qua thư điện tử.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Thú y, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phùng Đức Tiến